

Số: 54/QĐ-THCSTPT

Củ Chi, ngày 17 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phân công chuyên môn học kỳ II, năm học 2024 - 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TÂN PHÚ TRUNG**

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ/UB ngày 26/08/1981 của UBND huyện Củ Chi về công nhận mạng lưới trường năm học 1981 – 1982;

Căn cứ Điều 11 Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng;

Căn cứ Quyết định số 7155/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của chủ tịch UBND huyện Củ Chi về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Tân Phú Trung;

Căn cứ Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Thông tư 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chế độ giảm giờ dạy đối với giáo viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Xét đề nghị của Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phân công chuyên môn, phân công các mặt công tác trong nhà trường HKII năm học 2024 - 2025 như sau: (Danh sách phân công đính kèm).

**Điều 2.** Các ông (bà) có tên nơi Điều 1 có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, lập hồ sơ sổ sách và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn mình phụ trách.

**Điều 3.** Các ông (bà) trong bộ phận tài vụ, học vụ, các ông bà có tên nơi điều 1 và toàn thể CB-GV-NV nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17/02/2025./.

**Nơi nhận:**

- BTCB (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Niêm yết TB;
- Lưu: Vt, Hv, Kt, Ht, Pht.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Thân Lê Hồng Nhung**



UBND HUYỆN CỬ CHÌ  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
TÂN PHÚ TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HKII

Năm học: 2024 - 2025

(Áp dụng từ 17/02/2025. Ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-THCS TPT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường THCS Tân Phú Trung)

STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	TH. Biên Chế			MÃ NGẠCH	CÔNG TÁC CHÍNH	MÔN	TRÌNH ĐỘ CM	LỚP DẠY	TS TIẾT	KIỂM NGHIỆM		SỐ TIẾT GIÂM	SỐ TIẾT QP	PHỤ TRỢ	GHI CHÚ		
			BC	TS	HB							CN	KHÁC						
(1)	<i>Tổng cộng</i>																		
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)					
1	Thân Lê Hồng	Nhung	x	x			Hiệu trưởng	Toán	DHSP Toán Thạc sĩ Toán	6 <sup>18</sup> Phụ trách chung, lãnh đạo toàn diện nhà trường; trực tiếp phụ trách cấp tổ chức, tài chính, kiểm tra, thi đua-khen thưởng; công tác Hành chính quản trị; Phụ trách chuyên môn Toán.									
2	Lê Thị Phương	Đài	x	x			Phó HT	KHTN	DHSP Sinh. Thạc sĩ QLGD	9 <sup>1</sup> Phụ trách chuyên môn các môn Văn, GDGD, Công nghệ, Nghệ thuật (âm nhạc, Mỹ thuật), GDTC; Phòng trào học sinh; TV-TB STEM; trải nghiệm; KNS; bán ngữ; ngoại khóa; phòng chống dịch bệnh; thông kê báo cáo...									
3	Phạm Thị	Đình	x	x			Phó HT	Văn	DHSP Thạc sĩ QLGD	6 <sup>18</sup> Phụ trách chuyên môn các môn Văn, GDGD, Công nghệ, Nghệ thuật (âm nhạc, Mỹ thuật), GDTC; Phòng trào học sinh; TV-TB, phổ cập học cho HS; HĐTN-HN; Lịch sử và Địa lý; Giáo dục địa phương; Công tác CSVC									
4	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	x			x	Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 8 <sup>1</sup>	4			4					
5	Trần Thị Mỹ	Lê	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 6 <sup>16,17</sup> , 9 <sup>11</sup>	16		TTCM	3	19	0			
6	Đào Ngọc	Mỹ	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 7 <sup>6,7,20</sup> , 8 <sup>16,17</sup>	20			19	1				
7	Phan Kim	Thanh	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 6 <sup>1,7,8</sup> , 9 <sup>2,13</sup>	20			19	1				
8	Lê Thị	Thủy	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 8 <sup>5</sup> , 9 <sup>3,8</sup> , GDDP 8A6	13			8 <sup>5</sup>	6	19	0		
9	Trần Thị Kim	Trâm	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 6 <sup>4,11,12,15</sup> , 9 <sup>4</sup>	20			19	1				
10	Nguyễn Ngọc	Tú	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 6 <sup>3</sup> , 7 <sup>5,9,10,15</sup>	20			19	1				
11	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 7 <sup>16,17,19</sup> , 8 <sup>13,14</sup>	20		TTCB	1	19	2			
12	Lê Thị Thanh	Hoa	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 8 <sup>7,8,9,18</sup> , 9 <sup>12</sup>	20			19	1				
13	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 6 <sup>9,10</sup> , 8 <sup>4</sup> , GDDP 6A10	13			6 <sup>10</sup>	6	19	0		
14	Trương Quốc	Tuấn	x				Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 6 <sup>6</sup> , 7 <sup>11</sup> , GDDP 7A11	13			7 <sup>11</sup>	6	19	0		
15	Nguyễn Thị Khánh	Vy	x		x		Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 6 <sup>13</sup> , 8 <sup>11,12</sup> , HĐTN 6a13	12			6 <sup>13</sup>	6	19	-1	Dạy HĐTN 6a3	
16	Nguyễn Thị Quỳnh	Trinh	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 7 <sup>12</sup> , 8 <sup>6,7</sup> , GDDP 7A12	13			7 <sup>12</sup>	6	19	0		
17	Dương Thị Mỹ	Trang	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 7 <sup>1</sup> , 9 <sup>8,10</sup> , GDDP 7A18	13			9 <sup>9</sup>	6	19	0		
18	Nguyễn Thị Tuyết	Binh	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 7 <sup>18</sup> , 8 <sup>3,10</sup> , GDDP 7A18	13			7 <sup>18</sup>	6	19	0		
19	Võ Thị Nghĩa	Giang	x	x			Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 7 <sup>3,14</sup> , 9 <sup>2</sup> , GDDP 7A14	13			7 <sup>14</sup>	6	19	0		
20	Phan Trần Sĩ Nhứt	Lâm	x				Day lớp	Ngữ văn	DHSP	Văn 6 <sup>2,5,14</sup> , 7a2	16				3	19	0		
21	Võ Ngọc	Minh	x				Day lớp	Ngữ văn	DHSP Văn. Thạc sĩ QLGD	Văn 8 <sup>2,6,15</sup> , 7A8, 7a13.	20				1	19	2		
22	Phạm Thị Tuyết	Chung	x	x			Day lớp	Toán	DHSP	Toán 6 <sup>3,4</sup> , 9 <sup>1,13</sup>	16				3	19	0		
23	Nguyễn Thành	Hương	x				Day lớp	Toán	DHSP	Toán 6 <sup>6,15</sup> , 9 <sup>7</sup>	12			6 <sup>6</sup>	7	19	0		
24	Nguyễn Thị Thanh	Hương	x	x			Day lớp	Toán	DHSP	Toán 8 <sup>6,18</sup> , 9 <sup>5</sup>	12			9 <sup>5</sup>	7	19	0		



STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	TH. Biên Chế			MÃ NGẠCH	CÔNG TÁC CHÍNHH	MÔN	TRÌNH ĐỘ CM	LỚP DẠY	TS	TIẾT T	KIỂM NGHIỆM		SỐ TIẾT GIAM	SỐ TIẾT QB	PHỤ TRỢ	GHI CHÚ
			BC	TS	HD								CH	KHÁC				
25	Nguyễn Anh	Huy	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DHSP	Toán 7 <sup>15</sup> , 8 <sup>2</sup> , 10 <sup>15</sup>	16	7 <sup>15</sup>		5	19	2		
26	Nguyễn Văn	Nhóm	X			V.07.04.11	Đại học	Toán	DHSP	Toán 8 <sup>14</sup> , 8 <sup>9</sup> , 17 <sup>9</sup> , 8 <sup>8</sup>	20			19	1			
27	Nguyễn Thanh	Trung	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	DHSP	Toán 7 <sup>14</sup> , 4 <sup>5</sup> , 6 <sup>9</sup>	20			19	1			
28	Nguyễn Thị	Xuân	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	DHSP	Toán 6 <sup>12</sup> , 8 <sup>8</sup> , 9 <sup>11</sup>	20			19	1			
29	Nguyễn Mạnh	Hùng	X			V.07.04.32	Đại học	Toán-Tin	DHSP	Toán 8 <sup>13</sup> , 14 <sup>14</sup> , 9 <sup>2</sup> , 12 <sup>12</sup>	16			5	19	2		
30	Lê Trọng	Nhật	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DHSP	Toán 6 <sup>12</sup> , 13 <sup>13</sup> , 8 <sup>3</sup> , 7 <sup>12</sup>	20			19	1			
31	Phan Thị	Huyền	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DHSP	Toán 7 <sup>14</sup> , 16 <sup>17</sup> , 9 <sup>3</sup>	16			5	19	2		
32	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	Thạc sĩ	Toán 6 <sup>16</sup> , 17 <sup>18</sup> , 9 <sup>10</sup>	14			5	19	0		
33	Nguyễn Văn Như	Lân	X			V.07.04.32	Đại học	Toán-Ly	Đại học	Toán 8 <sup>11</sup> , 9 <sup>6</sup> , GDDP 9a6	14			8 <sup>11</sup>	19	1		
34	Nguyễn Tấn	Phát	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	Đại học	Toán 7 <sup>8</sup> , 9 <sup>5</sup> , 8 <sup>5</sup>	16			7 <sup>8</sup>	19	2		
35	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	X		X	V.07.04.32	Đại học	Toán	Đại học	Toán 6 <sup>5</sup> , 10 <sup>9</sup> , 7 <sup>3</sup> , 7	16			2	17	1	Tập sự (01/4/23)	
36	Phạm Thị Thủy	Trang	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	Đại học	Toán 7 <sup>18</sup> , 19 <sup>20</sup> , 9 <sup>1</sup>	16			9 <sup>4</sup>	19	2		
37	Châu Quốc	Cương			X		Đại học	Toán	DH KHTN	Toán 6 <sup>2</sup> , 7 <sup>10</sup> , 11 <sup>11</sup> , GDDP 9a8	18			17	1		Tập sự từ 1/12/2024	
38	Nguyễn Thị Hồng	Loan	X		X		Đại học	Toán	Đại học	Toán 6 <sup>11</sup> , 12 <sup>13</sup> , 7 <sup>12</sup> , 13 <sup>13</sup> , GDDP 9a9	18			17	1		Tập sự từ 1/12/2024	
39	Đặng Nguyễn Kha	Nguyễn	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	DHSP	Anh 8 <sup>11</sup> , 12 <sup>13</sup> , 9 <sup>8</sup> , GDDP 8A13	16			3	19	0		
40	Vũ Thị Kim	Dung	X			V.07.04.11	Đại học	Toán	DHSP	Anh 6 <sup>16</sup> , 6 <sup>10</sup> , 9 <sup>10</sup> , TATC 9 <sup>1</sup> GDDP 6A1	13			6	19	0		
41	Nguyễn Kim	Hải	X			V.07.04.11	Đại học	Toán	DH Văn Hiến	Anh 6 <sup>8</sup> , 9 <sup>7</sup> , 8 <sup>8</sup> , 10 <sup>10</sup>	15			5	19	1		
42	Huyền Thanh	Phong	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DHSP	Anh 6 <sup>3</sup> , 15 <sup>18</sup> , 9 <sup>11</sup> , TATC 6a3, GDDP 6A18	13			6	19	0		
43	Trần Thị	Hoa	X			V.07.04.11	Đại học	Toán	DH NN Hà Nội	Anh 7 <sup>17</sup> , 8 <sup>2</sup> , 6 <sup>8</sup>	15			5	19	1		
44	Nguyễn Thị Hương	Lan	X			V.07.04.11	Đại học	Toán	DH NN Hà Nội	Anh 7 <sup>2</sup> , 13 <sup>14</sup> , 9 <sup>6</sup> , GDDP 7A13	13			6	19	0		
45	Đào Trúc	Ngân	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	DHSP	Anh 6 <sup>4</sup> , 10 <sup>9</sup> , 12 <sup>13</sup> , GDDP 6A12	13			9 <sup>13</sup>	19	0		
46	Đoàn Thị Cẩm	Vân	X			V.07.04.12	Đại học	Toán	CBSP	Anh 6 <sup>5</sup> , 7 <sup>12</sup> , 7 <sup>15</sup> , 16 <sup>17</sup>	18			1	19	0		
47	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	DHSP	Anh 8 <sup>3</sup> , 18 <sup>18</sup> , 9 <sup>4</sup> , 5	12			7	19	0		
48	Đặng Thủy	An	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DH Tiếng Anh	Anh 8 <sup>1</sup> , 16 <sup>17</sup> , 9 <sup>3</sup> , 7	15			5	19	1		
49	Lương Trần Quang	Minh	X			V.07.04.12	Đại học	Toán	DHSP	Anh 7 <sup>9</sup> , 19 <sup>20</sup> , 9 <sup>2</sup> , TATC 9 <sup>2</sup> , GDDP 7A19	13			7 <sup>9</sup>	19	0		
50	Nguyễn Khả	Ái	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DHSG	Anh 6 <sup>11</sup> , 7 <sup>5</sup> , 11 <sup>12</sup> , GDDP 7A5	13			6 <sup>11</sup>	19	0		
51	Nguyễn Thị Hoàng	Nga	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DHSG	Anh 6 <sup>16</sup> , 17 <sup>17</sup> , 8 <sup>2</sup> , 10 <sup>14</sup>	15			6 <sup>17</sup>	19	1		
52	Lê Hùng	Khánh			X		Đại học	Toán	DH NN-TH	Anh 7 <sup>3</sup> , 8 <sup>4</sup> , 5 <sup>9</sup> , 15 <sup>15</sup> , TATC 8 <sup>14</sup> , GDDP 9a10	17			17	0		Tập sự từ 1/11/2024	
53	Trần Ngọc	Luân	X		X		Đại học	Toán	DH NN-TH	Anh 6 <sup>2</sup> , 13 <sup>14</sup> , 7 <sup>4</sup> , 18 <sup>18</sup> , TATC 6 <sup>2</sup> , TATC 82, GDDP 9A13	17			17	0		Tập sự từ 1/12/2024	
54	Đặng Thị Hồng	Duyên			X		Đại học	Toán	DHSP	Anh TATC 6 <sup>1</sup> , TATC 8A3	6							HD hình giảng
55	Phan Thị Phương	Thanh	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	DHSP	KHTN 7 <sup>20</sup> , KHTN 9 <sup>9</sup> , 10 <sup>10</sup> , HĐTN 9A3, 9A4	14			5	19	0		
56	Vũ Minh	Tân	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	DHSP	KHTN 8a8, KHTN 9 <sup>2</sup> , 13 <sup>16</sup>	16			2	19	-1		
57	Huyền Ngọc	Hương	X			V.07.04.31	Đại học	Toán	DHSP	KHTN 8 <sup>15</sup> , 16 <sup>16</sup> , KHTN 9 <sup>4</sup> , GDDP 8A10	13			6	19	0		
58	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	Thạc sĩ	KHTN 8 <sup>10</sup> , 11 <sup>11</sup> , KHTN 7 <sup>14</sup> , 7	16			3	19	0		
59	Nguyễn Phương	Trâm	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DHSP	KHTN 8 <sup>8</sup> , KHTN 7 <sup>7</sup> , HĐTN 9A7, 9A10	10			9 <sup>9</sup>	19	0		
60	Nguyễn Ngọc	Châu	X			V.07.04.32	Đại học	Toán	DHSP	KHTN 8 <sup>17</sup> , 18 <sup>18</sup> , KHTN 9 <sup>5</sup> , GDDP 8A14	13			8 <sup>18</sup>	19	0		



STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	TH. Biên Chế			MÃ NGẠCH	CÔNG TÁC CHÍNH	MÔN	TRÌNH ĐỘ CM	LỚP DẠY	TS	KIỂM NGHIỆM		SỐ TIẾT GIÀM	SỐ TIẾT QĐ	PHỤ TRỢ	GHI CHÚ
			BC	TS	HD							TIẾT CN	KHÁC				
61	Hồ Hữu Khanh	X				V.07.04.31	Dạy lớp	Lý-Hóa	DHSP	KHTN 8 <sup>4,12</sup> , KHTN 9 <sup>11</sup> , GDDP 8A8	13		8 <sup>2</sup>	6	19	0	Hình ảnh
62	Lê Thanh Dũng	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Vật lý	DHSP	KHTN 8 <sup>2,14</sup> , KHTN 9 <sup>7</sup> , GDDP 8A9	13		8 <sup>2</sup>	6	19	0	
63	Huyền Nguyễn Kim Huyền	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Vật lý	DHSP	KHTN 6 <sup>3,7</sup> , KHTN 7 <sup>16</sup>	12		7 <sup>16</sup>	7	19	0	
64	Nguyễn Thị Ngọc Mai	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Vật lý	DHSP	KHTN 7 <sup>4,9</sup> , KHTN 8 <sup>6</sup> , HBTN 8A7.	13		8 <sup>6</sup>	6	19	0	
65	Mai Thị Thủy Nguyễn	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Vật lý	DHSP	KHTN 6 <sup>1,6,17</sup> , KHTN 7 <sup>15</sup> , GDDP 6A16	13		6 <sup>16</sup>	6	19	0	
66	Nguyễn Thị Ngọc Mai	X				V.07.04.31	Dạy lớp	Sinh	DHSP	KHTN 6 <sup>2,14</sup> , KHTN 7 <sup>5</sup> , GDDP 6A15	13		6 <sup>14</sup>	6	19	0	
67	Võ Thị Kim Ngọc	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Sinh	DHSP	KHTN 7 <sup>6,11</sup> , KHTN 9 <sup>12</sup> , GDDP 7A6	13		9 <sup>12</sup>	6	19	0	
68	Mạch Thị Lê Thanh	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Sinh	Thạc sĩ	KHTN 8 <sup>1,5</sup> , KHTN 9 <sup>3</sup> , GDDP 6A7	13		8 <sup>1</sup>	6	19	0	
69	Đinh Lê Mai Hải	X				V.07.04.12	Dạy lớp	Sinh	ĐH Thái Nguyên	KHTN 6 <sup>1</sup> , KHTN 7 <sup>10,12</sup> , GDDP 8A15.	13		7 <sup>10</sup>	6	19	0	
70	Lê Thị Đỗ Thị	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Sinh	DHSP	KHTN 6 <sup>13,15</sup> , KHTN 7 <sup>17,18</sup> , GDDP 9A5	18			19	-1		Hình ảnh
71	Nguyễn Thị Minh Châu	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Sinh	Thạc sĩ	KHTN 6 <sup>2,11,12</sup> , GDDP 6A11	16			3	19	0	
72	Nguyễn Thị Hồng Lý	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Sinh-NN	DHSP	KHTN 6 <sup>5,18</sup> , KHTN 9 <sup>8</sup> , HBTN 9A2.	13		6 <sup>2</sup>	6	19	0	
73	Phan Thị Phương Thảo	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Sinh	DHSP	KHTN 6 <sup>1,13</sup> , KHTN 8 <sup>3</sup> , GDDP 9A7, HBTN 7A1	13		9 <sup>8</sup>	6	19	0	
74	Vũ Thị Nhi Thùy	X			X	V.07.04.32	Dạy lớp	Vật lý	DHSP	KHTN 7 <sup>1,13</sup> , KHTN 8 <sup>3</sup> , GDDP 9A7, HBTN 7A1	14		7 <sup>1</sup>	6	19	1	HBTN 7A1
75	Thái Thị Thanh Hải	X				V.07.04.31	Dạy lớp	Vật lý	DHSP Lý, Thạc sĩ QLGD	KHTN 6 <sup>1,10,8</sup> , GDDP 9A2,9A3	12			19			Thủ quỹ
76	Nguyễn Như Loan	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Vật lý	DHSP	KHTN 8 <sup>1,3,7</sup> , GDDP 9A11,9A12	12		8 <sup>7</sup>	5	17	0	Tập sự từ 1/1/2024.
77	Nguyễn Ánh Thanh Phạm Thị	X			X	V.07.04.31	Dạy lớp	Vật lý	DHSP	KHTN 6 <sup>1,5</sup> , KHTN 7 <sup>3,8,10</sup>	20			20	0		HD hình ảnh
78	Phạm Thị Thu Hằng	X				V.07.04.31	Dạy lớp	Địa lý	DHSP	LS-ĐL 8 <sup>1,5,16</sup> , 9 <sup>8,9</sup> , GDDP 83	13			6	19	0	
79	Phạm Thị Kim Loan	X				V.07.04.31	Dạy lớp	Địa-Sinh	DHSP	LS-ĐL 8 <sup>1,3,14</sup> , 9 <sup>2,4</sup> , GDDP 8 <sup>18</sup>	13		8 <sup>13</sup>	6	19	0	
80	Nguyễn Thị Trang Nhung	X				V.07.04.31	Dạy lớp	Địa-Sinh	DHSP	LS-ĐL 8 <sup>12,18</sup> , 9 <sup>1,3</sup>	12		9 <sup>1</sup>	8	19	1	
81	Nguyễn Thị Thúy Kiên	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Địa-Sư	DHSP	LS-ĐL 6 <sup>10,13,14</sup> , 7 <sup>15,16,17</sup>	18		7 <sup>17</sup>	5	19	4	
82	Nguyễn Thị Kim Ngân	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Địa lý	DHSP	LS-ĐL 6 <sup>7,8,9</sup> , 7 <sup>12,13,14</sup> ,	18		6 <sup>7</sup>	5	19	4	
83	Trần Thị Mai Anh	X				V.07.04.31	Dạy lớp	Lịch sử	DH 8A Lát	LS-ĐL 8 <sup>1,7</sup> , 9 <sup>5,6,7</sup> ,	15			19			H5 17/02
84	Huyền Thị Ngọc Châu	X				V.07.04.10	Dạy lớp	Lịch sử	DHSP	LS-ĐL 8 <sup>2,6</sup> , 9 <sup>10,11</sup> ,	12		9 <sup>11</sup>	7	19	0	
85	Trần Thị Mai Trang	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Lịch sử	DHSP	LS-ĐL 8 <sup>3,10</sup> , 9 <sup>12,13</sup> , GDDP 8 <sup>1</sup> ,	13		8 <sup>10</sup>	6	19	0	
86	Lê Thu Hiền	X				V.07.04.11	Dạy lớp	Lịch sử	DHSP	LS-ĐL 6 <sup>4-6,12,16,17</sup> , GDDP 6 <sup>4</sup>	19			19	0		
87	Huyền Thị Ngọc Linh	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Lịch sử	DHSP	LS-ĐL 6 <sup>1,11,15</sup> , 7 <sup>2-11</sup>	18		6 <sup>15</sup>	5	19	4	
88	Trương Thị Yên	X				V.07.04.32	Dạy lớp	Lịch sử	DHSP	LS-ĐL 7 <sup>1,3,18</sup> , 8 <sup>8,9</sup> , GDDP 7 <sup>3</sup> ,	15		7 <sup>20</sup>	5	19	1	
89	Phạm Ngọc Tâm	X				V.07.04.31	Dạy lớp	Lịch sử	Đại học	LS-ĐL 6 <sup>3,18</sup> , 7 <sup>2,4</sup>	16		7 <sup>2</sup>	6	19	3	
90	Trần Thị Hồng Tâm	X				V.07.04.11	Dạy lớp	LS & ĐL	DHSP	LS-ĐL 7 <sup>3,8,19</sup> , 8 <sup>11,17</sup> , GDDP 7 <sup>2</sup>	16		8 <sup>17</sup>	6	19	3	
91	Trần Thị Yên Em	X				V.07.04.11	Dạy lớp	GDDC-Sư	DHSP	GDDC 7 <sup>1-4,15-20</sup> , 8 <sup>6-18</sup>	13		7 <sup>4</sup>	6	19	0	
92	Phan Thị Thanh Tâm	X				V.07.04.31	Dạy lớp	GDDC-Sư	DHSP	GDDC 8 <sup>1-5</sup> , 9 <sup>1-7</sup>	12		8 <sup>4</sup>	7	19	0	
93	Vũ Thanh Tuấn	X				V.07.04.32	Dạy lớp	GDDC	DHSP	GDDC 6 <sup>1-4,3</sup> , 7 <sup>5-14</sup>	13		7 <sup>13</sup>	6	19	0	
94	Lâm Thị Thủy Chi	X				V.07.04.31	Dạy lớp	GDDC	DHSP	GDDC 6 <sup>5-11,12,17</sup> , 8 <sup>6-15</sup>	19			19	0		
95	Nguyễn Thị Quế Chi	X			X	V.07.04.31	Dạy lớp	GDDC	DHSP	GDDC 6 <sup>1,13-16,18</sup> , 8 <sup>8-13</sup>	12		6 <sup>4</sup>	6	17	1	Tập sự từ 1/1/2024.



STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ NGẠCH	CÔNG TÁC CHÍNH	MÔN	TRÌNH ĐỘ CM	LỚP DẠY	TS TIẾT	KIỂM NGHIỆM		SỐ TIẾT GIÀM	SỐ TIẾT TRỢ	PHỤ CHÚ	
								CN	KHÁC				
99	Mai Thị Xuân	V.07.04.31	Day lớp	KTNC	DHSPKT	CN 6 <sup>15-18</sup> , 9 <sup>7-13</sup> , GDDP 9a4	13		TTCM	3	19	-3	
100	Võ Kim Vàng	V.07.04.31	Day lớp	KTNC	DHSPKT	CN 6 <sup>3,6,12</sup> , GDDP 6a5,6a6,6a13,6a14,7a8,7a15,7a16,7a17,7a20	12	6 <sup>12</sup>	TPCM	7	19	0	
101	Trần Tuấn Bằng	V.07.04.11	Day lớp	KTNC	DHSPKT	CN 8 <sup>1-9</sup>	18	8 <sup>8</sup>		6	19	5	
102	Nguyễn Văn Thiện	V.07.04.32	Day lớp	KTNC	DHSPKT	CN 8 <sup>10-18</sup>	18	8 <sup>14</sup>		6	19	5	
103	Huyền Hữu Chi	V.07.04.11	Day lớp	KTNN	DHSPKT	CN 7 <sup>14-20</sup> , GDDP 8 <sup>2,4,5,7,11,12,16,17</sup> , GDDP 7a4,7a7,7a9,7a10	19				19	0	
104	Nguyễn Thị Ngọc Liên	V.07.04.31	Day lớp	Sinh-NN	DHSPKT	CN 7 <sup>1-13</sup>	13	7 <sup>5</sup>		6	19	0	
105	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	V.07.04.32	Day lớp	KTNC	DHSPKT	CN 6 <sup>3,4</sup> , 9 <sup>1-6</sup> , GDDP 9A1	10	6 <sup>3</sup>	TTCB	7	19	-2	
106	Bùi Thị Bạch	V.07.04.31	Day lớp	Mỹ thuật	DH Sài Gòn	MT 8 <sup>1-11</sup> , 9 <sup>1-9</sup>	12		NT môn MT/NT	19	19	-7	
107	Trương Đình Nam	V.07.04.32	Day lớp	Mỹ thuật	DHSP	MT 6 <sup>1-13</sup> , 8 <sup>2-18</sup>	20			19	19	1	
108	Nguyễn Thị Hà Trang	V.07.04.32	Day lớp	Mỹ thuật	DHSP	MT 7 <sup>6-20</sup> , 9 <sup>10-13</sup>	19			19	19	0	
109	Nguyễn Thanh Hồng		Day lớp	Mỹ thuật	DHSP	MT 6 <sup>14-18</sup> , 7 <sup>1-5</sup> (Ngày thứ 7)	10				10		HD hình giăng
110	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	V.07.04.32	Day lớp	KTNC	DHSPKT	CN 6 <sup>3,5,7,8-11,13,14</sup> , GDDP 6A2,6A3,6A8,6A17	13	6 <sup>5</sup>	TTCM	6	19	0	
111	Nguyễn Tâm Thủy	V.07.04.31	Day lớp	TDTT	DH TDTT	TD 6 <sup>16-18</sup> , 7 <sup>4,7-10,20</sup>	18			3	19	2	
112	Nguyễn Minh Bằng	V.07.04.31	Day lớp	TDTT	DH TDTT	TD 6 <sup>1-10</sup>	20			19	19	1	
113	Vũ Đình Cương	V.07.04.32	Day lớp	TDTT	DH TDTT	TD 7 <sup>18,19</sup> , 8 <sup>3-7</sup>	14	7 <sup>19</sup>		6	19	1	
114	Trần Thanh Phúc	V.07.04.11	Day lớp	TDTT	DH TDTT	TD 7 <sup>11-15</sup> , 9 <sup>9-13</sup>	20		TPCM	1	19	2	
115	Phạm Hải Công Thành	V.07.04.32	Day lớp	TDTT	DH TDTT	TD 8 <sup>14-16</sup> , 9 <sup>17,8</sup>	14	8 <sup>16</sup>	PT PBM	9	19	4	
116	Trần Thái Thành	V.07.04.32	Day lớp	TDTT	DH TDTT	TD 7 <sup>5,6</sup> , 9 <sup>2-6</sup>	14	7 <sup>6</sup>		6	19	1	
117	Cao Hải Nghiêm Duy	V.07.04.32	Day lớp	TDTT	DH TDTT	TD 6 <sup>11-15</sup> , 8 <sup>11,12,13,17,18</sup>	20		QL nhân sự	2	19	3	
118	Đào Minh Quý		Day lớp	TDTT	DH TDTT	TD 7 <sup>1,2,3,16,17</sup> , 8 <sup>2,8,9,10</sup>	18				17	1	Tập sự từ 1/11/2024
119	Hà Thanh Minh		Day lớp	Âm nhạc	DHSP	Nhạc 8 <sup>1-7</sup> , Nhạc khối 9 (Ngày Thứ 5, chiều thứ 3, chiều thứ 6)	20		NT môn Âm Nhạc			20	HD hình giăng
120	Nguyễn Thị Hồng Dương		Day lớp	Âm nhạc	CBSP	Nhạc 6 <sup>1,7-12,18</sup> , 7 <sup>12-18</sup> (Ca Sáng Thứ 2, Sáng Thứ 3, Chiều thứ 6)	15					20	HD hình giăng
121	Trần Thị Hòa		Day lớp	Âm nhạc	DHSP	Nhạc 6 <sup>13-17</sup> , 7 <sup>9,10,11,19,20</sup> (Ngày Thứ 7)	10					10	HD hình giăng
122	Ngô Tiên Trường		Day lớp	Âm nhạc	DHSP	Nhạc 8 <sup>8-18</sup> , 7 <sup>1-3</sup> (Ngày Thứ 5, Chiều thứ 3)	14					14	HD hình giăng
123	Trần Quang Anh Tuấn		Day lớp	Âm nhạc	DHSP	Nhạc 6 <sup>2-6</sup> , 7 <sup>4-8</sup> (Ngày Thứ 7)	10					10	HD hình giăng
124	Nguyễn Hoàng Ân	V.07.04.32	Day lớp	Tin học	Thạc sĩ	Tin học 6 <sup>1-9,18</sup> , 9 <sup>1</sup>	10		TTCM, CNTT	9	19	0	
125	Nguyễn Thị Hữu	V.07.04.12	Day lớp	Toán-Tin	CBSP	Tin học 6 <sup>07-17</sup> , HD TN 7A2,7A7,7A8,7A15, 7A17,7A20, 6A7,6A8,6A9,6A15,6A17	19				19	0	
126	Trần Thanh Tập	V.07.04.32	Day lớp	Tin học	Đại học	Tin học 9 <sup>2-8,11-13</sup> , 7 <sup>17-20</sup>	14		Phòng máy, Website	5	19	0	
127	Phan Anh Hào	V.07.04.32	Day lớp + PT Đai		DH CNTT	TNHN KHỎI 6,7, Tin học 9 <sup>9,10</sup>	4				2	2	
128	Ngô Mẫn Thuận	V.07.04.12	Day lớp	Tin học	Cao đẳng	Tin học 8 <sup>1-18</sup>	18		TTCB	1	19	0	



STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	TH. Biên Chế			MÃ NGÁCH	CÔNG TÁC CHINH	MÔN	TRÌNH ĐỘ CM	LỚP DẠY	TS TIẾT	KIỂM NGHIỆM		SỐ TIẾT GIÀM	SỐ TIẾT ỒP	PHỤ TRỢ	GHI CHÚ
			BC	TS	HD							CN	KHÁC				
129	Nguyễn Thị Tâm	X		X				Dạy lớp	Đại học	Tin học 7 <sup>h-10h</sup> , GDP 6a9	17	6 <sup>o</sup>	5	19	3		Tập số 01/1/1/2024
130	Trần Thanh				X		P/t Thiết bị	NV Thiết bị				P/t Thiết bị					
131	Hồ Đỗ Tuyết	X			X		P/t Thư viện	NV Thư viện				P/t Thư viện					
132	Huyền Thị Mộng	X	X			16b.121	Y tế + Thủ kho		TC Điều Dưỡng			TTY/P, TTCĐ					
133	Đỗ Quang				X	01.011			THPT								HD ND111
134	Hoa Văn				X				THPT								Hợp đồng
135	Nguyễn Văn				X				THPT								Hợp đồng
136	Hồ Văn				X				THPT								
137	Võ Thị Mỹ	X		X		06.032	p/t Kế toán		DH TCKT								HD ND111
138	Nguyễn Thị	X							THPT								HD ND111
139	Nguyễn Thị Bé	X							THPT								HD ND111

\* Lưu Ý: - GV/CN được hưởng 6 nghỉ tuần theo quy định.

137 87 111 6 20



Giữ Chức, ngày 17 tháng 02 năm 2025  
QUẢN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

